

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40 /2021/HS-ST

Ngày: 22 – 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hùng, ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

HÀ THỊ D - Sinh năm 1985, tại xã P, huyện Q, tỉnh Th; Nơi cư trú: bản Tr xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn L (đã chết) và bà Hà Thị N; Bị cáo có chồng là Hà Thanh T (sinh năm 1982) và 02 con

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 09-QĐ/UBKTHU ngày 09/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Quan Hóa;

Bị cáo tạm giữ hình sự 09 ngày (kể từ ngày 01/12/2020 đến ngày 10/12/2020); sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (có mặt).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Chị Hà Thị Đ – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: bản T, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

2, Anh Phạm Văn Đ – Sinh năm: 1971

Địa chỉ: bản T, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

3, Anh Hà văn Ng – Sinh năm: 1995

Địa chỉ: bản Đ, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

4, Anh Phạm Văn Th – Sinh năm: 1978

Địa chỉ: bản Ô xã Phú S, huyện Q, tỉnh Th

5, Chị Phạm Thị C – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: bản S, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

6, Chị Bùi Thị Th – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: bản Đ, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

7, Chị Phạm Thị Th – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu N, Thị trấn H, huyện Q, tỉnh Th

8, Anh Phan Quang Tr– Sinh năm: 1984

Địa chỉ: bản Đ, xã Phú Thanh, huyện Q, tỉnh Th

9, Anh Hà Văn Đ – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: bản Ch, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở tin báo của quần chúng nhân dân trên địa bàn, ngày 01/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quan Hóa tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi cư trú đối với đối tượng Hà Thị D (sinh năm: 1985, trú tại: bản Tr, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th). Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

+ 21 (hai mươi một) tờ giấy có nội dung liên quan đến hoạt động cho vay lãi

nặng, kí hiệu từ D1 đến D21;

+ 06 (sáu) quyển sổ (dạng sổ tay) có ghi chép những nội dung liên quan đến vay lãi nặng

Ngày 09/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quan Hóa đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hà Thị Dinh theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị D khai nhận:

Do nắm bắt được nhu cầu cần vay tiền của người dân các xã P, Ph, H, R, Thị trấn H; nên từ năm 2018 đến năm 2020, bị cáo đã cho một số người ở các xã trên vay lãi với mức lãi xuất từ 3.000đ/1.000.000đ/ngày đến 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Cụ thể:

1. Ngày 16/01/2018 Hà Thị D cho anh Hà Văn Ng vay 5.600.000đ (*Năm triệu sáu trăm ngàn đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 182.5%/năm, đến ngày 20/01/2020 thời hạn vay là 733 ngày, anh Ng đã phải trả số tiền lãi là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định là 2.249.205đ (*Hai triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm lẻ năm đồng*), số tiền thu lời bất chính là 750.795đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng*).

Hiện anh Ng vẫn còn nợ số tiền gốc 5.600.000đ (*Năm triệu sáu trăm ngàn đồng*). (Bút lục 95-96).

2. Ngày 24/4/2020 Hà Thị D cho chị Phạm Thị Th (Sinh năm 1991, trú tại: Khu 3, Thị trấn H, huyện Q) vay 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) với lãi xuất là 5.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 182,5%/năm, đến ngày 21/9/2020 thời hạn vay là 149 ngày, chị Th đã phải trả số tiền lãi là 7.450.000đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định là 816.438đ (*Tám trăm, mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*), số tiền thu lời bất chính là 6.633.562đ (*Sáu triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*).

Hiện chị Th đang còn nợ số tiền vay gốc là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*). (Bút lục 126-127).

3. Hà Thị D cho anh Phạm Văn Th (Sinh năm 1978, trú tại bản Ô, xã Ph, huyện Q) vay các khoản tiền như sau:

- Lần 1: Ngày 16/5/2020, Hà Thị D cho anh Th vay 53.000.000đ (*Năm mươi ba triệu đồng*) với lãi xuất là 4.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 146.0%/năm, đến ngày 22/11/2020 thời hạn vay là 189 ngày, anh Th đã phải trả số tiền lãi là 40.068.000đ (*Bốn mươi triệu, không trăm trăm sáu mươi tám ngàn*

đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 5.488.767 (Năm triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lãi bất chính là 34.579.233 (Ba mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng).

- Lần 2: Ngày 21/9/2020. Hà Thị D cho anh Th vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất là 4.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 146.0%/năm, đến ngày 22/11/2020 thời hạn vay là 61 ngày, anh Th đã phải trả số tiền lãi là 3.660.000đ (Ba triệu sáu trăm, sáu mươi ngàn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 501.370đ (Năm trăm lẻ một nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) số tiền thu lãi bất chính là 3.158.630đ (Ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

Hiện anh Th vẫn đang nợ số tiền vay gốc là 68.000.000đ. (Sáu mươi tám triệu đồng).(Bút lục 109 -110)

4. Ngày 25/7/2020 Hà Thị D cho chị Phạm Thị C (Sinh năm 1982, trú tại bản S, xã Ph, huyện Q) vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất là 4.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 146,0%/năm, đến ngày 25/8/2020 thời hạn vay là 30 ngày, chị C đã phải trả số tiền lãi là 1.2000.000đ (Một triệu, hai trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 164.384 đ (một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng) số tiền thu lãi bất chính là 1.035.616đ (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)

Hiện chị C đang còn nợ số tiền vay gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). (Bút lục 414-415).

5. Ngày 24/11/2019, Hà Thị D cho anh Hà Văn Đ (Sinh năm 1986, trú tại bản Ch, xã Ph huyện Q) vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất là 4.000đ/1triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 146,0%/năm, đến ngày 20/10/2020 thời hạn vay là 334 ngày, anh Đ đã phải trả số tiền lãi là 6.680.000đ (Sáu triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 915.068đ (Chín trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi tám đồng), số tiền thu lãi bất chính là 5.764.932đ (Năm triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Hiện anh Đ đang còn nợ số tiền vay gốc là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). (Bút lục 411-412).

6. Ngày 15/8/2020, Hà Thị D cho anh Phan Quang Tr (Sinh năm 1984, trú tại bản Đ, xã Ph, huyện Q) vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất là 3.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, đến ngày 15/11/2020 thời hạn vay là 91 ngày, anh Tr đã phải trả số tiền lãi là 4.095.000đ (Bốn triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 747.945đ (Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng), số tiền

thu lời bất chính là 3.347.055đ (*Ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng*).

Hiện anh Tr đang còn nợ số tiền vay gốc là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*). (Bút lục 408-409).

Ngày 25/08/2021, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án; quá trình thẩm vấn tại phiên tòa bị cáo Hà Thị D, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị Đ, Bùi Thị Th, Hà Thị H thay đổi lời khai; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ một số nội dung trong vụ án. Kết quả điều tra bổ sung thể hiện:

1. Hà Thị D cho anh Hà Văn Đ và chị Hà Thị Đ (đều trú tại: bản T, xã Ph, huyện Q) vay hai khoản tiền như sau:

- Lần 1: Ngày 10/11/2019, Hà Thị D cho chị Đ vay 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), với lãi suất 4.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 146.0%/năm. Đến ngày 12/01/2020, anh Đ và chị Đ trả số tiền gốc là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), còn lại 20.000.000đ (*Hai mươi triệu*); D tiếp tục tính lãi xuất 4.000đ/1triệu đồng/ngày. Vợ chồng anh Đ đã trả số tiền lãi cho D đến hết ngày 22/01/2020 là 12.200.000đ (mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền lãi thu được thu theo quy định là: 1.797.260đ (một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lời bất chính là 10.402.740đ (mười triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng)

- Lần 2: Ngày 22/01/2020, chị Đ vay thêm Hà Thị D 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), D tính lãi 4.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương lãi suất 146.0%/năm, cộng với số tiền gốc của lần trước còn lại 20.000.000đ (*Hai mươi triệu*), tổng chị Đ nợ D là 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*). Khoản vay này anh Đ và chị Đ vẫn chưa trả gốc và lãi cho bị cáo, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với bị cáo;

Hiện chị Đ đang nợ Hà Thị D số tiền gốc vay 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*); trong đó khoản tiền gốc cho vay lãi nặng là 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*)

2. Hà Thị Dinh cho chị Bùi Thị Th (Sinh năm 1983 trú tại bản Đ xã Ph, huyện Q) vay năm khoản tiền như sau:

- Lần 1: Ngày 28/08/2020, Hà Thị D cho chị Th vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi xuất 3.000đ/1.000.000đ/ngày;

- Lần 2: Ngày 12/08/2020, Hà Thị D cho chị Th vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi xuất 4.000đ/1.000.000đ/ngày;

- Lần 3: Ngày 15/08/2020, Hà Thị D cho chị Th vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), lãi xuất 3.000đ/1.000.000đ/ngày;

- Lần 4: Ngày 14/10/2020, Hà Thị D cho chị Th vay 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), lãi xuất 3.000đ/1.000.000đ/ngày;

Cả 04 khoản vay này chị Th đều chưa trả gốc và lãi cho bị cáo nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định

- Lần 5: Ngày 15/08/2020, Hà Thị D cho chị Th vay 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), lãi xuất 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Ngày 20/09/2020, chị Th trả lãi cho D là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ngày 08/10/2020, chị Th tiếp tục trả lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng cộng số tiền lãi chị Th đã trả là: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định là: 2.591.781đ (hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng). Số tiền bị cáo thu lời bất chính là 12.408.219đ (mười hai triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng)

Đến nay, chị Th còn nợ lại bị cáo số tiền vay gốc (cho vay lãi nặng) là: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng)

Trong các khoản vay trên, bị cáo và chị Th có thỏa thuận nếu đối với khoản tiền lãi đến hạn mà chị Th chưa trả cho bị cáo thì bị tính lãi chồng lãi. Tuy nhiên, trên thực tế bị cáo chưa thu được khoản lãi chồng lãi nào nên không đủ căn cứ để xử lý.

3, Đối với khoản tiền Hà Thị D cho chị Hà Thị H (sinh năm: 1989, trú tại: bản P, xã Ph, huyện Q) vay ngày 11/03/2020 là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), đến ngày 10/08/2020, chị H đã trả hết số tiền gốc và lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng), tương đương mức lãi theo thỏa thuận là 1.7000đ/1.000.000đ/tháng; nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với bị cáo về hành vi trên

Kết quả điều tra thể hiện số tiền gốc bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội là **273.600.000đ (Hai trăm bảy ba triệu sáu trăm nghìn đồng)**; số tiền bị cáo đã thu lời bất chính là: **78.080.781đ (bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn bảy trăm tám mươi một đồng)**

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã chủ động trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Th số tiền 6.633.562đ (sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng)

+ Trả lại cho anh Hà Văn Đ số tiền 5.674.932đ (năm triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai đồng)

+ Trả lại cho anh Hà Văn Ng số tiền 750.795đ (bảy trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)

- + Trả lại cho anh Phan Quang Tr số tiền 3.347.055đ (ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng)
- + Trả lại cho anh Phạm Văn Th số tiền 37.737.900đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng)
- + Trả lại cho chị Phạm Thị C số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng)
- + Trả lại cho chị Bùi Thị Th số tiền 12.408.219đ (mười hai triệu bốn trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng)
- + Trả lại cho anh Phạm Văn Đ và chị Hà Thị Đ số tiền 10.402.740đ (mười triệu bốn trăm lẻ hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: đều trình bày lời khai thống nhất với lời khai của bị cáo; những người này không có yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền thu lời bất chính, và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết số tiền gốc cho vay theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm có:

- + 21 (hai mươi một) tờ giấy có nội dung phản ánh hoạt động cho vay lãi nặng, kí hiệu từ D1 đến D21;
- + 06 (sáu) quyển sổ dạng sổ tay có dòng kẻ, kí hiệu từ D1 đến D6

Tất cả được chứa trong một phong bì do Công an huyện Quan Hóa phát hành, đóng kín, niêm phong bằng các chữ ký, chữ viết của Hà Mạnh H, Vi Thị H, Hà Sơn H, Ngân Thị Ch, Hà Thị D và hình dấu của Công an huyện Quan Hóa

Tất cả các vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Hóa theo quy định của pháp luật.

- + 01 điện thoại di động OPPO F1S đã qua sử dụng, qua xác minh không liên quan đến vụ án nên CQĐT đã trả lại cho bị cáo

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSQH ngày 14 tháng 10 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Hà Thị D về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thị D phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, điểm i, điểm s; khoản 2 điều 50; khoản 1 điều 51; điều 35 BLHS 2015

Xử phạt: Bị cáo Hà Thị D số tiền từ 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý vật chứng, án phí, biện pháp tư pháp

Ngoài các khoản vay với lãi xuất được xác định như trên; Hà Thị D còn cho 36 người khác vay tiền với lãi xuất chưa đủ mức cấu thành tội phạm, nên không có căn cứ để xử lý

Bị cáo còn vay tiền của một số người khác, với mức lãi xuất nằm trong phạm vi pháp luật cho phép nên không có đủ căn cứ để xử lý.

Chồng của bị cáo là anh Hà Thanh T khai không biết, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của D; nên không đủ căn cứ để xử lý.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến gì. Do đó, mọi quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám xét khẩn cấp, các tài liệu ghi chép đã thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo đã có hành vi cho nhiều người vay lãi với mức lãi xuất là 3.000đ-5.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương với từ 109,5% đến 182,5%/năm); trong một thời gian liên tục, kéo dài (từ năm 2018 đến năm 2020). Số tiền bị cáo đã thu lời bất chính là **78.080.781đ** (Bảy mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn bảy trăm

tám mươi một đồng)). Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do háms lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, làm sáng tỏ hành vi vi phạm của những đối tượng khác. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn xét xử, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; trả lại toàn bộ số tiền lãi đã thu vượt quá quy định pháp luật cho những người vay. Đây được coi là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó, cần áp dụng các quy định tại điểm i, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật

[5] *Về hình phạt chính* : Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn, hậu quả đã được bị cáo chủ động khắc phục. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, có nghề nghiệp là buôn bán, có thu nhập đảm bảo cho việc thi hành án. Từ đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 201, điểm i, điểm b, điểm s khoản 1, Điều 51, khoản 2 Điều 50, Điều 35 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng phạt tiền là hình phạt chính với bị cáo là đủ sức răn đe, giáo dục; tạo điều kiện cho bị cáo sớm sửa chữa lỗi lầm, cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn 162/2002/KHXX ngày 04/11/2002 của TANDTC; và hướng dẫn tại điểm b, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Do hình phạt tiền đã được áp dụng là hình phạt chính, nên căn cứ điểm e khoản 2 Điều 32 BLHS; HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[7] *Về các tình tiết khác trong vụ án*:

+ Ngoài các khoản vay với lãi xuất được xác định như trên; Hà Thị D còn cho 36 người khác vay tiền với lãi xuất chưa đủ mức cấu thành tội phạm, nên không có căn cứ để xử lý

+ Bị cáo còn vay tiền của một số người khác, với mức lãi xuất nằm trong phạm vi pháp luật cho phép nên không có đủ căn cứ để xử lý.

+ Chồng của bị cáo (anh Hà Thanh T) không biết, không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo; số tiền bị cáo dùng làm công cụ phạm tội lấy từ tiền bán hàng của bị cáo, không phải từ tài sản chung của vợ chồng nên không đủ căn cứ để xử lý đối với anh T.

[7] *Về xử lý vật chứng*: 21 (hai mươi một) tờ giấy có nội dung phản ánh hoạt động cho vay lãi nặng, kí hiệu từ D1 đến D21; 06 (sáu) quyển sổ dạng sổ tay có dòng kẻ, kí hiệu từ D1 đến D6. Tất cả được chứa trong một phong bì do Công an huyện Quan Hóa phát hành, đóng kín, niêm phong bằng các chữ ký, chữ viết của Hà Mạnh H, Vi Thị H, Hà Sơn H, Ngân Thị Ch, Hà Thị D và hình dấu của Công an huyện Quan Hóa là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy;

[8] *Về biện pháp tư pháp*:

[8.1] Đối với khoản tiền gốc bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội: HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, xét cần truy thu sung vào ngân sách nhà nước với các khoản này. Cụ thể:

+ Với các khoản tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo (chị Đ trả 30.000.000đ, chị Th trả 5.500.000đ): Truy thu đối với bị cáo tổng số tiền là 35.500.000đ (*ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*)

+ Với các khoản tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo: Xét cần truy thu đối với những người vay số tiền tương ứng để sung vào ngân sách nhà nước:

- Đối với chị Hà Thị Đ và anh Phạm Văn Đ: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*);

- Đối với anh Hà Văn Ng: 5.600.000đ (*năm triệu sáu trăm nghìn đồng*);

- Đối với chị Bùi Thị Th: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng);
- Đối với chị Phạm Thị Th: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng);
- Đối với anh Phạm Văn Th: 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng);
- Đối với chị Phạm Thị C: 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- Đối với anh Hà Văn Đ: 5.000.000đ (năm triệu đồng);
- Đối với anh Phan Quang Tr: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

[8.2] Đối với khoản tiền lãi trong phạm vi pháp luật cho phép (dưới 20%/năm): Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách nhà nước số tiền trên. Tổng cộng là: **15.272.219đ** (*Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*)

[8.3] Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm): Đây là khoản tiền thu lời bất chính, bị cáo chiếm đoạt trái phép của những người vay, nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 BLHS, buộc bị cáo trả lại cho những người vay. Tuy nhiên, bị cáo đã chủ động hoàn trả số tiền này, những người vay đều không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét

[9] *Về biện pháp ngăn chặn*: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 BLTTHS; HĐXX tuyên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, kể từ ngày tuyên án

[10] Bị cáo Hà Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 50, Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125, khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên*: Bị cáo **Hà Thị D** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

2. *Về hình phạt:* Áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, xử phạt bị cáo số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phạt theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; trên số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

3. *Về xử lý vật chứng:*

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy một phong bì do Công an huyện Quan Hóa phát hành, đóng kín, niêm phong bằng các chữ ký, chữ viết của Hà Mạnh H, Vi Thị H, Hà Sơn H, Ngân Thị Ch, Hà Thị D và hình dấu của Công an huyện Quan Hóa là; bên trong chứa hũy 21 (hai mươi một) tờ giấy có nội dung phản ánh hoạt động cho vay lãi nặng, kí hiệu từ D1 đến D21 và 06 (sáu) quyển sổ dạng sổ tay có dòng kẻ, kí hiệu từ D1 đến D6 là công cụ, phương tiện phạm tội

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 02/06/2021 giữa Cơ quan CSĐT- Công an huyện Quan Hóa và Chi cục THADS huyện Quan Hóa.

4. *Về biện pháp tư pháp:*

4.1. Truy thu đối với bị cáo Hà Thị D số tiền:

+ 35.500.000đ (*ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng*) là công cụ, phương tiện phạm tội để nộp Ngân sách nhà nước;

+ 15.272.219đ (*mười lăm triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*) là tiền do phạm tội mà có

4.2. Truy thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để sung vào ngân sách nhà nước số tiền cụ thể:

+ Đối với chị Hà Thị Đ và anh Hà Văn Đ: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

+ Đối với anh Hà Văn Ng: 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ Đối với chị Bùi Thị Th: 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng);

+ Đối với chị Phạm Thị Th: 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng);

+ Đối với anh Phạm Văn Th: 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng);

+ Đối với chị Phạm Thị C: 10.000.000đ (mười triệu đồng);

+ Đối với anh Hà Văn Đ: 5.000.000đ (năm triệu đồng);

+ Đối với anh Phan Quang Tr: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)

4.3. Đối với số tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định, bị cáo đã chủ động trả lại cho những người vay, nên HĐXX không xem xét

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

5. *Về biện pháp ngăn chặn:* Hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú áp dụng đối với bị cáo, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

6. *Về án phí:* Bị cáo Hà Thị D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

7. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày); kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Công an huyện Quan Hóa (Đội tổng hợp);
- Ủy ban Kiểm tra HU Quan Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Quan Hóa;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thị Mai

